

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+PPD+TD5	7:25	1+2+17	0+0+0		0+0+21	0+0+0	
2		VSP02+TD3+RC4	7:25	5+17+0	0+0+0		0+13+8	0+0+0	
3		P3+CTK3+RP2	9:25	10+12+0	0+0+0		7+0+15	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2019	TO: P4 - PPD - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LHai - TĐông - TDUNG	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GERARDO GALDIERI	P4	96-97	2	18		68	KHI	Italian
2	VÔ TIEN PHỤNG	PPD	32-33	2	17		65	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN HOÀN	PPD	31	1	7		55	CODIEN	Vietnamese
4	UVAISHOV A.X	TD5					95	KHOAN	Russian
5	VANEEV D.V	TD5	99	1	7		100	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN DUY TAM	TD5	95	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5	98	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	BUI KIM ĐẠT*PK-PVD	TD5	93	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	90	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD5	89	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỆN	TD5	57	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
12	LAM VAN HẠNH	TD5	92	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC CUONG-PVD	TD5	94	1	11		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG CÔNG THỊNH	TD5	56	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD5	91	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
16	MAI THÈ HIÊN	TD5	52,100	2	13		100	KHOAN	Vietnamese
17	BUI THAI QUI	TD5	55	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD5	54	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
19	BUI QUANG TUYNH	TD5	53	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM VĂN BẢO	TD5	96-97	2	15		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	1	2	18	68	0	0		
2	PPD	2	3	24	120	0	0		
3	TD5	17	18	131	1.235	0	21		
TOTAL		20	23	173	1.423	0	21		
WEIGHT KG				173	1.423	0			

GRAND TOAL: 1.596 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/07/2019	TO: VSP02 - TD3 - RC4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - DTùng	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HIỂU	VSP02	76-77	2	13	20	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN HUY THÂN	VSP02	52	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
3	VŨ QUANG TUÂN	VSP02	78	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
4	LƯƠNG ĐỨC GIANG	VSP02	53	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
5	PHI THANH HỒNG	VSP02	51	1	8		66	CODIEN	Vietnamese
6	SOROKA ANATOLY	TD3	90	1	12	30	110	KHOAN	Russian
7	NIKOLAYEV G.M	TD3	89	1	12		72	KHOAN	Russian
8	AFANASHEV I.IU	TD3	78	1	5		86	KHOAN	Russian
9	PHAN HAI NAM	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HỮU VŨNG	TD3	84	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	80	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
14	ĐỖ THANH HẢI	TD3	72	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH HẢI	TD3	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	LƯU VĂN SƠN	TD3	83	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN PHI HÙNG	TD3	81	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN THƯƠNG	TD3	71	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG HOÀN	TD3	87-88	2	6		79	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN LÂM GIANG	TD3	77	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN PHÚ	TD3	75-76	2	18		73	CODIEN	Vietnamese
22	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3	74	1	10		71	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	5	6	43	356	20	0		
2	TD3	17	18	111	1.305	30	13		
3	RC4	0	0	0	0	40	8		
TOTAL		22	24	154	1.661	90	21		
WEIGHT KG				154	1.661	90			

GRAND TOAL: 1.905 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/07/2019	TO: P3 - CTK3 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - DTùng	ETA: 11:40
xanh-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG MINH THĂNG	P3	36	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN PHI HÙNG	P3	34	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VĂN VƯỢNG	P3	35	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐOÀN CÔNG MẠNH	P3	40	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ QUANG HIỆU	P3	39	1	10		102	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN BA THANH	P3	37-38	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHÚC	P3	27-28	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	P3	32-33	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC THO	P3	30-31	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TOÀN	P3	29	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN QUY DŨNG	CTK3	89	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	CTK3	62,63	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN BA ĐỒNG	CTK3	86	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI HÙNG	CTK3	59	1	12		54	XAYLAP	Vietnamese
15	LE ĐÌNH HIỆU	CTK3	93	1	13	20	66	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VĂN THUYẾT	CTK3	87	1	7		61	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM VIỆT HỮU	CTK3	92	1	15		55	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM VĂN ĐỊNH	CTK3	60,94	2	17		71	XAYLAP	Vietnamese
19	LE TRI HAI	CTK3	90-91	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
20	TRINH VĂN BAU	CTK3	88	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC HÀ	CTK3	58	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN XUÂN THUY	CTK3	52,57	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	10	14	135	716	0	7		
2	CTK3	12	16	158	763	20	0		
3	RP2	0	0	0	0	0	15		
TOTAL		22	30	293	1.479	20	22		
WEIGHT KG				293	1.479	20			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	18	0		16	0	
2		JS2+GTCT1+RC3	7:25	16+0+6	0+0+0		13+0+9	0+0+0	CHUYEN 1 JS2-GTCT1
3		RP3+RP2+RC5	7:25	7+7+8	0+0+0		6+2+14	0+0+0	CHUYEN 1 RP3-RP2
4		RC4+RP1	7:25	8+14	0+0		4+18	0+0	
5		RP3	7:25	22	0		22	0	
6		JS2+P6+P4	9:25	7+7+0	0+0+0		6+7+6	0+0+0	
7		RCDM+RP1	9:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
8		CTC1+RP3	9:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
9		PPD+RP2	9:25	11+11	0+0		0+22	0+0	
10		CTK3+TD1	11:25	7+9	0+0		1+21	0+0	
11		RC4+RP2	11:25	5+17	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY RP2- 3 NG, RC4-4 NG;

2/TÀU EXPRESS VỀ NGÀY 11/7 ĐÓN KHÁCH RP3- 35NG, RP1-5NG, TD5-3NG, P2-3NG, BK4-2NG TD5-3NG ; P3- 3NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:25
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HLONG - MTuấn	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZELANSKII	BK THIE	96	1	3		77	KH-THAC	Russian
2	PHAM GIAP TRI	BK THIE	98	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG VAN THONG	BK THIE	82	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
4	HO DINH HUY	BK THIE	92-93	2	17		59	KH-THAC	Vietnamese
5	LE HONG QUANG	BK THIE	88	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
6	VU HUNG TUAN	BK THIE	91	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN MINH TAM	BK THIE	99	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VIET TUNG	BK THIE				30	74	KH-THAC	Vietnamese
9	DO VAN CUONG	BK THIE					71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DAN	BK THIE	97	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN SON	BK THIE	94	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY DU	BK THIE	95	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
13	DO THANH TUNG	BK THIE	89	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH TUAN	BK THIE	85-86	2	16		50	KH-THAC	Vietnamese
15	TANG MANH HA	BK THIE	90	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN LAM	BK THIE	83-84	2	17		75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYEN KHANH HUNG	BK THIE	87	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
18	LE CONG HAI	BK THIE	80-81	2	10		58	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	20	111	1.261	30	16		
	TOTAL	18	20	111	1.261	30	16		
	WEIGHT KG			111	1.261	30			

GRAND TOAL: 1.402 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2019	TO: JS2 - GTC1 - RC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TÙNG - ĐTuấn - THỤ	ETA: 09:10
cam-1			

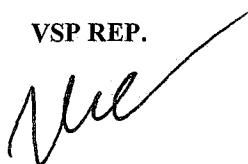
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HOAI NIEM	JS2	49	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN CHINH CUONG	JS2	45-46	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
3	DCUNHA DAMIAN JOSHEPH	JS2	50	1	17		88	KHOAN	AUS
4	LYNDON TRINIDADE RAYMOND	JS2	43	1	7	27	72	KHOAN	Indian
5	BASSON HERMANUS J.SCHREUDER	JS2	47-48	2	17	22	115	KHOAN	SA
6	TRAN TUAN NGHIA	JS2	56	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN THE	JS2	39	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRUONG	JS2	53	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	LE THANH NGOC	JS2	55	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	54	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	52	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HAI	JS2	57	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN XUAN THI	JS2	42	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
14	DAM NGOC TUAN ANH	JS2	44	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
15	LE QUYET THANG	JS2	40-41	2	17		66	KHOAN	Vietnamese
16	DO VAN HUNG	JS2	51	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	DO NGUYEN HONG THANH	RC3	18	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐAU HUY HOANG	RC3	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TAN HONG	RC3	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN QUOC KHANH	RC3	17	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN MANH CUONG	RC3	21	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN QUYEN	RC3	25	1	5		60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	16	19	137	1.150	49	13	1	CHUYEN 01 PAX TU JS2 SANG GTC1
2	GTC1	0	0	0	0	40	0		
3	RC3	6	6	37	430	60	9		
TOTAL		22	25	174	1.580	149	22		
WEIGHT KG				174	1.580	149			

GRAND TOAL: 1.903 KGS

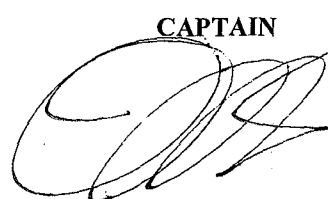
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2019	TO: RP3 - RP2 - RC5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - PTUẤN	ETA: 09:15
VANG-1			

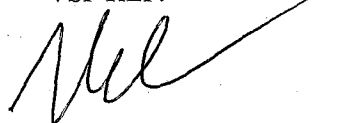
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BAKIN A.M.	RP3	74	1	9		95	KH-THAC	Russian
2	ĐỖ QUANG HUNG	RP3	72	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TAT THANH	RP3	75	1	6		67	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN THANH	RP3	73	1	6		60	KHI	Vietnamese
6	ĐỖ PHU SANG	RP3	71	1	6		66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUAN	RP3					65	KHI	Vietnamese
8	LÊ HỒNG ĐẠI	RP2	50	1	5	40	75	D-HANH	Vietnamese
9	ĐỖ THANH HAI	RP2					103	D-HANH	Vietnamese
10	PHẠM VĂN BAN	RP2	51	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN LY	RP2	45-46	2	16	10	80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	42	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CẢNH TÂN	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
14	TÀNG VĂN ĐỨC	RP2	43-44	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
15	KOROQLUEV RAMIL	RC5	25	1	4	65	70	KH-THAC	Russian
16	HOÀNG TỊ	RC5					62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM THẮNG	RC5	26	1	8		101	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	24	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN CỤC	RC5	23	1	13		81	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LINH	RC5	27	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	28	1	3		67	PSV	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC CUÔNG	RC5	22	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	7	5	34	493	0	67		CHUYỂN 1 PAX TỪ RP3 SANG RP2
2	RP2	7	7	48	526	50	2		
3	RC5	8	7	45	596	65	14		
TOTAL		22	19	127	1.615	115	22		
WEIGHT KG				127	1.615	115			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2019	TO: RC4 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Năm	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VAN LUONG	RC4					68	D-HANH	Vietnamese
2	TRAN THI THU HA	RC4	49	1	3		53	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN DUC HUNG	RC4					78	ANTOAN	Vietnamese
4	VU VAN SY	RC4	50	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG MINH	RC4	52	1	5	50	59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TAN	RC4	57	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH VAN CONG	RC4	53	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU TIEN BINH	RC4	51	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
9	MAMEDOB O.T.	RP1	499	1	5		95	KH-THAC	Russian
10	NIKITIN DMITRIY	RP1	40	1	15		83	KH-THAC	Russian
11	NGUYEN VIET THANH	RP1					63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN QUANG TUNG	RP1					76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM NGOC PHONG	RP1	94	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
14	LE MANH HUNG	RP1	99	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG GIANG	RP1	36-37	2	11	45	90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TAM	RP1	97	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	VU DINH HOAN	RP1	98,500	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN MINH HIEU	RP1	96	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
19	TAO QUANG NGAN	RP1	91-92	2	20		64	KH-THAC	Vietnamese
20	LE DUC THIEN	RP1	35	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RP1	95	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN NAM SINH	RP1	93	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	8	6	32	555	50	4		
2	RP1	14	15	101	1.057	45	18		
TOTAL		22	21	133	1.612	95	22		
WEIGHT KG				133	1.612	95			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2019	TO: RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: L Hải - T Đông - T DUNG	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG LINH	RP3	01-02	2	10		70	KHI	Vietnamese
2	DUƠNG BÌNH NGUYỄN	RP3	03	1	5		60	KHI	Vietnamese
3	LAI ĐỨC HẢO	RP3	04-05	2	17		80	YTE	Vietnamese
4	BUI ANH SƠN	RP3	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANHTRUNG	RP3	09	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN HÒA	RP3	10	1	5	30	70	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ TÂN CHÂU	RP3	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN SƠN	RP3	23	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	18	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ANH	RP3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG XUAN HUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUAN HOANG	RP3	14-15	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	12	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	22	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC HUY	RP3	16	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH DUƠNG	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN HIỀN	RP3	25	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	20	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	24	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯƠNG VĂN LƯƠNG	RP3	11	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
22	LAI ĐỨC BAY	RP3	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	120	1.505	30	22		
TOTAL		22	23	120	1.505	30	22		
WEIGHT KG				120	1.505	30			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2019	TO: JS2 - P6 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TÙNG - ĐTuấn - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HUU DUNG	JS2	32	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
2	LE HOANG ANH	JS2	26	1	10	40	55	KHOAN	Vietnamese
3	TRUONG QUYET THANG	JS2	27	1	15		80	KHOAN	Vietnamese
4	LAI ANH TUAN	JS2	28-29	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH VĂN TAM	JS2	24	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN LE ĐANG QUANG	JS2	25	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VIET PHUONG	JS2	30	1	10		90	KHOAN	Vietnamese
8	DANG KIM DUONG	JS2	31	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	VU MINH PHUONG	P6	66	1	5		71	D-HANH	Vietnamese
10	VU VAN TOAN	P6	63	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
11	LUU THE ANH	P6	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LAM	P6	65	1	5		90	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYEN CANH HIEN	P6	60	1	5		65	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC SON	P6	64	1	3		89	GETRACO	Vietnamese
15	VU THANH TIEN	P6	62	1	5		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	8	9	82	570	40	6		
2	P6	7	7	33	530	0	7		
3	P4	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		15	16	115	1.100	40	19		
WEIGHT KG				115	1.100	40			

GRAND TOAL: 1.255 KGS

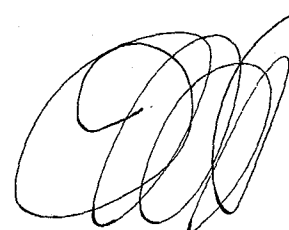
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2019	TO: RCDM - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TTrung - Hòì - PTUẤN	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	49-51	3	16	80	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐAC TOAN	RCDM	46-47	2	15		56	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUOC VIET	RCDM	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG MINH DUNG	RCDM	41	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THE VU	RCDM	48	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN MINH	RCDM	43-44	2	20		79	T-TIN	Vietnamese
7	LE NHU HIEN	RCDM	57	1	10		55	T-TIN	Vietnamese
8	HO TRONG BANG	RCDM	42	1	5		76	PSV	Vietnamese
9	PHAN CONG TOAN	RP1	600	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG KHANG	RP1	93	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC HONG	RP1	92	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG DINH BA	RP1	97	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
13	LE HUNG CUONG	RP1	95-96	2	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG THE ANH	RP1	99	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA QUY	RP1	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG LOC	RP1	94	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM VAN THUY	RP1	91	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM XUAN TRUONG	RP1	98	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH TUAN	RP1	07	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI DUC ANH	RP1	90	1	15		65	PSV	Vietnamese
21	NGHIEM NGOC LINH	RP1	02	1	7		59	PSV	Vietnamese
22	TA HONG GIANG	RP1	01	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	8	12	78	554	80	5		
2	RP1	14	15	98	980	0	17		
TOTAL		22	27	176	1.534	80	22		
WEIGHT KG				176	1.534	80			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2019	TO: CTC1 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Năm	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	67-68	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO TUAN ANH	CTC1	62-63	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	07	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN NINH	CTC1	47-48	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOÀNG	CTC1	71	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	66	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HAI SANG	CTC1	69	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
8	VU MINH ĐỨC	CTC1	60	1	14		95	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC TRI	CTC1	70	1	10	50	70	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI XUAN TRUONG	CTC1	58-59	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH VĂN GIANG	CTC1	61	1	4		74	GETTRACO	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN THƯỜNG	CTC1	64-65	2	14		60	DICH VU	Vietnamese
13	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN KHIÊM HIỆU	RP3	02	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TỰ HAI	RP3	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH BA NINH	RP3	04	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUAN HUONG	RP3	11	1	10	33	55	BASON	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	RP3	05	1	8		80	BASON	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THÀNH	RP3	09-10	2	10		45	BASON	Vietnamese
20	HOÀNG NGỌC BÌNH	RP3	06	1	8		73	BASON	Vietnamese
21	CAO ĐÌNH HIỆU	RP3	07	1	5		70	BASON	Vietnamese
22	ĐINH MẠNH SƠN	RP3	08	1	10		70	BASON	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	12	17	112	847	50	11		
2	RP3	10	11	76	647	33	11		
TOTAL		22	28	188	1.494	83	22		
WEIGHT KG				188	1.494	83			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/07/2019	TO: PPD - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - TDUNG	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG THẮNG	PPD	02	1	8		65	KHI	Vietnamese
2	LÊ VĂN THU	PPD	08	1	6		71	LILAMA18	Vietnamese
3	NGUYỄN BA TUẤN	PPD	03	1	5		62	LILAMA18	Vietnamese
4	NGO SỸ TUYẾN	PPD	15	1	3	20	59	LILAMA18	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH NAM	PPD	14	1	10		70	LILAMA18	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VINH	PPD	16	1	4		58	LILAMA18	Vietnamese
7	NGO SỸ TRƯỜNG	PPD	13	1	8		77	LILAMA18	Vietnamese
8	TRẦN MINH TUẤN	PPD	04-05	2	13		74	CO DIEN	Vietnamese
9	NGUYỄN DANH TRUNG	PPD	11-12	2	16		68	CO DIEN	Vietnamese
10	ĐANG KIM THANH	PPD	06-07	2	15		65	CO DIEN	Vietnamese
11	NGO KIM LAM	PPD	09-10	2	20		72	CO DIEN	Vietnamese
12	DANG DINH YEN	RP2	52	1	6		48	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	61	1	11		68	Y TE	Vietnamese
14	GARIBEKOV M. K	RP2	55	1	4		95	KH-THAC	Russian
15	NGUYỄN KHÁC SANG	RP2	57	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VŨ QUYÊN	RP2	59	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	54	1	5	20	68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH DUY	RP2	58	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	56	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THÀNH	RP2	62	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN LONG	RP2	60	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐANG XUAN KHOA	RP2	53	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	15	108	741	20	0		
2	RP2	11	11	66	746	20	22		
TOTAL		22	26	174	1.487	40	22		
WEIGHT KG				174	1.487	40			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2019	TO: CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TÙNG - ĐTuấn - Toan	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HUY THƯƠNG	CTK3	29	1	10		68	LILAMA18	Vietnamese
2	ĐO VĂN BÌNH	CTK3	34	1	4	15	60	LILAMA18	Vietnamese
3	LÊ THÈ LONG	CTK3	35	1	5		70	LILAMA18	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	CTK3	30	1	5		68	LILAMA18	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG TUẤN	CTK3	32-33	2	17		80	XLAP	Vietnamese
6	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	51	1	15		82	XLAP	Vietnamese
7	PHẠM ĐÌNH TUẤN	TD1	61	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN MINH THỊ	TD1	68	1	5		110	"	Vietnamese
9	HOANG VĂN TÙNG	TD1	65	1	7	37	74	"	Vietnamese
10	HOANG VĂN TRƯỜNG	TD1	64	1	4	33	60	"	Vietnamese
11	LÊ VĂN TRUNG	TD1	63	1	5	30	85	"	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN SY	TD1	62	1	10		78	XLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SANG	TD1	400	1	8		60	XLAP	Vietnamese
14	NGO ĐÌNH NHẬT MINH	TD1	60	1	10		61	XLAP	Vietnamese
15	KIEU MINH QUYẾT	TD1	66	1	10		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	6	7	56	428	15	1		
2	TD1	9	9	64	658	100	21		
TOTAL		15	16	120	1.086	115	22		
WEIGHT KG				120	1.086	115			

GRAND TOAL: 1.321 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/07/2019	TO: RC4 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - Trường	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN THANH CÔNG	RC4	97	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐÌNH THĂNG	RC4	98	1	17		72	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ THANH HIỂU	RC4	44	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC QUÂN	RC4	42-43	2	16		79	CODIEN	Vietnamese
5	MAI VĂN TUÔNG	RC4	99	1	3		66	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	80	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THANH TUÂN	RP2	69	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM QUANG LỢI	RP2	68	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	77	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ DUY QUYÊN	RP2	67	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	79	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ CHÍ CUÔNG	RP2	75-76	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM BA HOÀNG	RP2	83	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẠO ĐÌNH HUY	RP2	84	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	74	1	9		88	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐỨC LONG	RP2	64	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ TUÂN ANH	RP2	82	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN NGUYỄN BAO MINH	RP2	78	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HOÀNG	RP2	63	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
20	KIỀU TUÂN ANH	RP2	81	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN VĂN ĐẠT	RP2	70,72-73	3	20		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN LAM	RP2	65-66	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	5	6	56	341	0	5		
2	RP2	17	21	126	1.164	0	17		
TOTAL		22	27	182	1.505	0	22		
WEIGHT KG				182	1.505	0			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN